

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HS-ST
Ngày 15-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Nguyên;

Bà Hoàng Thị Lá.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nông Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Nhữ Thị M, sinh ngày 19 tháng 6 năm 1977 tại huyện N, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu 2, phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nhữ Công C (đã chết) và bà: Bùi Thị Q, sinh năm 1953; có chồng: Bùi Trọng D (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014, ngoài ra còn có 01 con nuôi sinh năm 1998; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án xét xử. Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 30 tháng 3 năm 2021 đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Vi Văn V, sinh năm 1972; trú tại: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Vi Thị P, sinh năm 1969; trú tại: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/3/2021, do chưa tìm được việc làm, bị cáo Nhữ Thị M và anh Vi Văn P1 – sinh năm: 1985, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đến nhà chú họ của P1 là ông Vi Văn V, vợ là Vi Thị P tại thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ở nhờ để tìm việc làm. P1 và M được vợ chồng ông V cho ở một gian nhà ngay sát bên cạnh và sinh hoạt chung cùng gia đình ông. Hằng ngày, P1 đi làm thuê cắt gỗ cùng V, còn M ở nhà phụ giúp bà P làm vườn. Ngày 26/3/2021, sau khi giặt quần áo xong, bị cáo M một mình vào phòng ngủ của anh Vi Văn C (là con của V và P) để lấy móc phơi quần áo, khi kiểm tra những chiếc áo trên móc, M thấy bên trong chiếc áo khoác màu đỏ có một cọc tiền gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) được quấn bên ngoài bằng túi nilon màu trắng, sau đó M để tiền vào trong áo và treo áo lại vị trí cũ. Do bản thân không có tiền ăn tiêu cá nhân nên M nảy sinh ý định trộm lấy hết số tiền trên. Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 27/3/2021, sau khi đi phụ giúp bà P đào khoai tây, bị cáo M một mình quay trở về nhà, không thấy có ai, biết mọi người đều đi làm nên M đi vào phòng ngủ của anh C đến vị trí chiếc áo có tiền, lấy cọc tiền ra, mở lớp nilon bên ngoài thấy có 01 cọc tiền đều gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), trong đó có một phần được buộc bằng dây nịt cao su, phần còn lại không buộc. M cầm lấy toàn bộ số tiền này đi ra gian phòng khách, lo sợ bị phát hiện nên M lấy chiếc áo nỉ của mình quấn cọc tiền lại và đi ra khỏi nhà. Sau đó, bị cáo M về chỗ ngủ của mình và lấy chiếc ví có đựng giấy tờ cá nhân rồi đi ra khỏi nhà với mục đích đi đến thành phố Hà Nội. Trên đường đi M đón taxi đến huyện G, Hà Nội. M ở Hà Nội đến ngày 29/3/2021 thì bắt xe khách về nhà mẹ đẻ ở phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Đến buổi chiều ngày 29/3/2021 thì bị Công an huyện C bắt giữ, đồng thời thu giữ số tiền 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng) còn lại trong tổng số tiền trộm cắp được.

Quá trình điều tra, ngày 29/3/2021 Cơ quan điều tra đã tạm giữ: Số tiền 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 (một) dây chuyền kim loại màu trắng dài 45cm, có treo mặt dây chuyền kim loại màu trắng gắn mặt vật màu tím than; 01 (một) nhẫn kim loại màu trắng, mặt có gắn vật màu đen; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 8 Plus màu vàng hồng, số Imei: 35297609784826, gắn thẻ sim 0961.159.982, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 màu trắng xám, số Imei: 354428064031144, đã qua sử dụng; 01 (một) túi xách da màu nâu, kích thước 27,5cm x 18,5cm.

Tại bản kết luận giám định số: 218/KLGD-PC09 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền 53.000.000 đồng trong phong bì niêm phong gửi giám định (thu giữ của Nhữ Thị M) đều là tiền thật.

Tại bản kết luận giám định số: 2912/C09-P4 ngày 26/4/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu trắng,

có tổng khối lượng 3,26 gam là hợp kim của bạc, cadimi, đồng, trong đó hàm lượng bạc (Ag) là 81,03%; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu trắng, chế tác dạng mắt xích, có tổng khối lượng 4,85 gam là hợp kim của bạc, đồng, kẽm, trong đó hàm lượng bạc (Ag) là 91,29%.

Cáo trạng số: 36/CT-VKSCL ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nhữ Thị M về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Nhữ Thị M đã khai nhận về quá trình sử dụng số tiền trộm cắp được vào ngày 27/3/2021, cụ thể như sau: Sau khi trộm cắp được số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo đã sử dụng hết khoảng 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) bao gồm các khoản sau: Sử dụng 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) mua 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 8plus màu vàng hồng; 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) mua 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6 màu trắng xám; 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) để mua 01 (một) túi xách dạng da cá sấu màu nâu; 120.000 đồng (một trăm hai mươi nghìn đồng) mua 01 (một) chiếc nhẫn bạc; 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng) để mua 01 (một) sợi dây chuyền bạc; 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) trả tiền thuê khách sạn đêm ngày 27/3/2021 và ngày 28/3/2021; khoảng hơn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sử dụng để thuê xe taxi đi lại nhiều lần và ăn tiêu cá nhân; khoảng hơn 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sử dụng đi Spa làm đẹp và đi lễ chùa; 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) trả tiền đi xe khách đi từ thành phố Hà Nội về nhà mẹ đẻ ở phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình và một số khoản tiền tiêu vặt bị cáo không nhớ rõ. Quá trình trộm cắp chỉ có mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không chia tiền trộm cắp được cho bất kỳ ai. Đối với những vật chứng thu giữ của bị cáo tại nhà mẹ đẻ bị cáo khai đều có được do sử dụng tiền trộm cắp được mà có, do vậy đề nghị nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 47.000.000 đồng là số tiền bị cáo trộm cắp được nhưng đã tiêu hết, nay bị hại ông Vi Văn V, bà Vi Thị P yêu cầu bồi thường bị cáo cũng nhất trí.

Bị hại ông Vi Văn V, bà Vi Thị P khai nhận số tiền 100.000.000 đồng bị cáo Nhữ Thị M trộm cắp được tại nhà của gia đình ông bà tại thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là do hai vợ chồng bán trâu, bán lợn, bán nông sản và đi làm thuê, làm ăn tích góp mà có được. Vợ chồng ông bà đã được trả lại 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông bà yêu cầu bị cáo Nhữ Thị M phải tiếp tục trả lại cho ông bà số tiền 47.000.000 đồng, ngoài ra ông bà không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá tính chất, động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nhữ Thị M phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Căn cứ các điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Nhữ Thị M từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nhữ Thị M phải bồi thường cho ông Vi Văn V, bà Vi Thị P số tiền 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng). Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) dây chuyền hợp kim bạc dài 45cm, có treo mặt dây chuyền kim loại màu trắng gắn 01 (một) viên đá màu xanh và 07 (bảy) viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng 4,81 gam (phần hao hụt do sử dụng làm mẫu giám định); 01 (một) nhẫn hợp kim bạc, mặt có gắn 01 (một) viên đá màu đen và các viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng 3,22 gam (phần hao hụt do sử dụng làm mẫu giám định); 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 8 Plus màu vàng hồng, số Imei: 35297609784826, gắn thẻ sim 0961.159.982, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 màu trắng xám, số Imei: 354428064031144, đã qua sử dụng; 01 (một) túi xách da màu nâu, kích thước 27,5cm x 18,5cm.

Phần tranh luận: Bị cáo Nhữ Thị M, bị hại ông Vi Văn V, bà Vi Thị P không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nhữ Thị M đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể: Khoảng 8 giờ 00 phút, ngày 27/3/2021, tại nhà của vợ chồng ông Vi Văn V và bà Vi Thị P thuộc thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Nhữ Thị M đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút lấy trộm số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) của vợ chồng ông V và bà P đem đi tiêu xài cá nhân. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nhữ Thị M phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Cáo trạng số 36/CT-VKSCL ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nhữ Thị M về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi bị cáo Nhữ Thị M là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự của địa phương, đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp

luật bảo vệ. Bị cáo Nhữ Thị M là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích háms lợi, muốn có tiền tiêu sài nhưng lười lao động nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phải chịu hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử ngoài việc xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, còn phải đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Cụ thể như sau: Về nhân thân: Bị cáo Nhữ Thị M có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ là ông Nhữ Công C được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về tội danh, về hình phạt đối với bị cáo Nhữ Thị M và về xử lý vật chứng là có căn cứ.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, điều này phù hợp với kết quả xác minh của Cơ quan Điều tra và đề nghị của Kiểm sát viên.

[8] Về bồi thường dân sự: Bị hại ông Vi Văn V, bà Vi Thị P xác nhận đã được nhận lại số tiền 53.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Vi Văn V, bà Vi Thị P yêu cầu bị cáo Nhữ Thị M phải bồi thường số tiền 47.000.000 đồng là số tiền bị cáo trộm cắp được nhưng đã tiêu sài, bị cáo Nhữ Thị M nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[9] Về vật chứng: Đối với 01 (một) dây chuyền hợp kim bạc dài 45cm, có treo mặt dây chuyền kim loại màu trắng gắn 01 (một) viên đá màu xanh và 07 (bảy) viên đá nhỏ; 01 (một) nhẫn hợp kim bạc, mặt có gắn 01 (một) viên đá màu đen và các viên đá nhỏ không màu; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 8 Plus màu vàng hồng, số Imei: 35297609784826, gắn thẻ sim 0961.159.982, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 màu trắng xám, số Imei: 354428064031144, đã qua sử dụng; 01 (một) túi xách da màu nâu là những tài sản bị cáo sử dụng số tiền trộm cắp được để mua. Bị cáo xác định sẽ bồi thường số tiền mình đã tiêu sài cho bị hại, còn những vật chứng bị thu giữ, cáo đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và nộp ngân sách nhà nước. Xét thấy đề nghị của bị cáo là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Do bị cáo Nhữ Thị M bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nhữ Thị M phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nhữ Thị M 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 30 tháng 3 năm 2021.

3. Về bồi thường dân sự: Công nhận thỏa thuận giữa bị cáo Nhữ Thị M và bị hại ông Vi Văn V, bà Vi Thị P về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại bị hại tổng số tiền 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách 01 (một) dây chuyền hợp kim bạc dài 45cm, có treo mặt dây chuyền kim loại màu trắng gắn 01 (một) viên đá màu xanh và 07 (bảy) viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng 4,81 gam (phần hao hụt do sử dụng làm mẫu giám định); 01 (một) nhẫn hợp kim bạc, mặt có gắn 01 (một) viên đá màu đen và các viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng 3,22 gam (phần hao hụt do sử dụng làm mẫu giám định); 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 8 Plus màu vàng hồng, số Imei: 35297609784826, gắn thẻ sim 0961.159.982, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 màu trắng xám, số Imei: 354428064031144, đã qua sử dụng; 01 (một) túi xách da màu nâu, kích thước 27,5cm x 18,5cm.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C lập ngày 02 tháng 7 năm 2021).

5. Về án phí: Bị cáo Nhữ Thị M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.350.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

Tổng cộng bị cáo Nhữ Thị M phải chịu 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS Công an huyện C, Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Nhà tạm giữ Công an h;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hương Giang